

chuyển trước, người chuyển sau, vì chế độ trước đây quy định có khác nhau nên cùng một chức vụ, thâm niên ở bộ đội khi xếp lương có trợ cấp chênh lệch thì mức lương thực tế chênh lệch khác nhau quá đáng.

Cùng một bậc lương như nhau nếu quân nhân phục viên được phụ cấp chênh lệch thì thực tế lương cao hơn lương những cán bộ, nhân viên cùng bậc ở cơ quan.

Tóm lại việc bãi bỏ khoản trợ cấp chênh lệch do thông tư 42-TT/LB quy định là căn cứ vào nguyên tắc chính sách đã ban hành theo nghị định 250-TTg đồng thời cũng xuất phát từ tình hình thực tế quan hệ lương ở các cơ quan chính quyền, đoàn thể.

Trong việc sắp xếp và điều chỉnh lương cho cán bộ nhân viên ở các cơ quan còn tồn tại những bất hợp lý, đời sống cán bộ, nhân viên còn gặp khó khăn nhưng đó là những bất hợp lý, những khó khăn chung cần có kế hoạch giải quyết dần khi có điều kiện, nhưng không phải vì thế mà duy trì khoản trợ cấp chênh lệch cho một số quân nhân phục viên chuyển ngành.

II.— CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP THỜI VIỆC

Điều 15 bản điều lệ quy định: « Trong thời hạn chưa quá 6 tháng chuyển sang công tác ở một cơ quan, nếu quân nhân phục viên trở về địa phương sản xuất thì được hưởng các khoản tiền trợ cấp như quân nhân phục viên về địa phương trừ những khoản đã được hưởng khi mới chuyển ngành. Nếu đã chuyển ngành được quá 6 tháng thì quân nhân phục viên hưởng theo chế độ chung của cơ quan sử dụng ».

Để việc thi hành điều khoản này được đúng cần hiểu rõ tác dụng của thời hạn 6 tháng là để quân nhân phục viên chuyển ngành tìm hiểu công việc mới, mặt khác được cơ quan sử dụng giúp đỡ hướng dẫn về nghiệp vụ, nhưng trong thời gian này nếu người quân nhân phục viên thấy không thích hợp với công tác mới, nếu về địa phương sản xuất thì hợp hơn thì được trợ cấp về sản xuất 100.000đ như điều 2 nghị định 111-NĐ của Bộ Quốc phòng đã quy định trừ các khoản phụ cấp về thâm niên, chức vụ đã lĩnh khi phục viên về chuyển ngành. Quá 6 tháng người quân nhân phục viên chuyển ngành đã trở thành một cán bộ, nhân viên của ngành công tác mới, nếu vì một lý do nào đó mà được thôi việc thì được trợ cấp theo chế độ trợ cấp chung áp dụng cho cán bộ, nhân viên thôi việc.

Tóm lại trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày phục viên chuyển ngành, bản thân người quân nhân phục viên có thể cân nhắc, suy nghĩ để hoặc về sản xuất, hoặc cố gắng đi sâu vào nghiệp vụ

của ngành công tác mới; cơ quan sử dụng cần tranh thủ giúp đỡ thiết thực quân nhân phục viên trong việc ấy.

★

Trên đây Bộ chúng tôi giải thích thêm hai vấn đề đã quy định trong thông tư 29-TT/LB. Để việc thi hành bản điều lệ và thông tư 29-TT/LB được đúng đắn, chúng tôi đề nghị các Bộ, các cơ quan trung ương, các khu, thành phố, tỉnh phổ biến chu đáo các văn bản ấy làm cho mọi quân nhân phục viên chuyển ngành nhận thức được đầy đủ chính sách, tránh có những thắc mắc không đúng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 848-TC ngày 23-10-1957
về việc giúp đỡ cán bộ xã làm thuế
nông nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các liên khu, khu, thành phố, tỉnh.

Công tác thuế nông nghiệp vụ đông năm nay rất khó khăn vì phải điều chỉnh diện tích sản lượng trên một phạm vi tương đối rộng lớn.

Công việc đã phức tạp, lại phải tiến hành cùng một lúc với nhiều công tác khác ở nông thôn, nên trung ương đã đặt công tác điều chỉnh diện tích sản lượng là một trong năm công tác quan trọng phải tập trung lực lượng để hoàn thành trong một thời hạn nhất định.

Nhiệm vụ nặng nề nhưng bộ máy phụ trách công tác thuế ở cấp xã nhiều nơi còn yếu, cán bộ chưa thật an tâm công tác.

Trong thời gian sửa sai có một số bị dả kích, do đó có hiện tượng mệt mỏi, ngại công tác thuế. Tình trạng trên ảnh hưởng nhiều đến công tác thuế nông nghiệp.

Để làm tốt công tác thuế nông nghiệp, cần giúp đỡ các cán bộ làm thuế nông nghiệp các cấp nhất là cấp xã. Bộ đề nghị các Ủy ban thi hành những quy định dưới đây nhằm chiếu cố một phần nào đến cán bộ thuế nông nghiệp xã, giúp thêm điều kiện cho anh em làm việc, động viên anh em phấn khởi, an tâm công tác, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

1) Đặc biệt chú ý nâng đỡ về tinh thần, giải quyết tư tưởng chán nản công tác thuế, động viên

anh em quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, vận động nông dân giúp đỡ mọi mặt trong công việc đồng áng.

2) Trợ cấp cơm ăn trong những ngày làm việc, tập trung cho những cán bộ nghèo trong phạm vi kinh phí đã được cấp, việc trợ cấp không làm bình quân, tránh chia đều mỗi người một ít, để tập trung giúp đỡ cho những cán bộ nghèo, thật sự cần được giúp đỡ.

3) Mỗi xã tùy lớn nhỏ cần đào tạo ít nhất từ bốn đến năm người, để giúp Ủy ban trong công tác thuế.

Trong số này chọn hai người khá làm thư ký cho ban thuế nông nghiệp xã ở trong bộ phận thường trực. Hai người này có nhiệm vụ: giúp đỡ ban thuế xã trong mọi công tác đề thu thuế; xong vụ thu thì tập trung số liệu, thanh toán sổ sách nghiên cứu chuẩn bị cho vụ sau, đồng thời chuyên trách giúp Ủy ban trong công tác điều chỉnh ở xã.

Thuế nông nghiệp tập trung thu vào hai vụ, vụ chiêm, mùa, trong một thời gian công tác còn có thanh chốt thường xuyên, việc điều chỉnh sản lượng lại rất phức tạp, nên cán bộ làm thuế nông nghiệp cần được chuyên trách.

Vì vậy, nên tránh điều động cán bộ thuế đi làm công tác khác (kể cả cán bộ trong ban thuế nông nghiệp xã và những anh em tuy không có trong ban thuế nhưng trực tiếp giúp Ủy ban làm thuế).

Giữa mùa làm thuế nên thu xếp đề miễn các công tác khác cho anh em, gặp lượt đi dân công trong vụ thu thì nên miễn hay hoãn đến một kỳ khác.

Bộ đề nghị các Ủy ban phổ biến thông tư này đến tận cấp xã và theo dõi, thi hành cho đúng.

Hà nội, ngày 23 tháng 10 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRINH VĂN BÌNH

BỘ GIÁO DỤC

NGHỊ ĐỊNH số 1.114-ND ngày 18-10-1957 thành lập tại Hải-phòng một trường Bồi túc nghiệp vụ cho giáo viên trường quốc lập cấp I.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Chức sắc lệnh số 119-SL ngày 9-7-1946 thành lập Bộ Giáo dục;

Xét đề nghị của các ông Giám đốc Vụ Sư phạm và Giám đốc Vụ Tổ chức cán bộ về việc bổ sung và sửa đổi nghị định số 645-ND ngày 31-7-1957 thành lập trường Bồi túc giáo viên cấp I tại Hải phòng.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập tại Hải phòng một trường Bồi túc nghiệp vụ cho giáo viên cấp I để bồi dưỡng văn hóa và chuyên môn cho giáo viên cấp I quốc lập.

Trụ sở của trường đặt tại trường Sư phạm sơ cấp Hải phòng cũ.

Điều 2. — Trường Bồi túc nghiệp vụ cho giáo viên cấp I Hải phòng đặt dưới quyền quản lý mọi mặt của Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng.

Vụ Sư phạm có nhiệm vụ chỉ đạo và giúp đỡ về mặt chuyên môn.

Điều 3. — Kinh phí của trường Bồi túc nghiệp vụ do tổng dự toán trung ương dài hạn và cấp phát qua Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng.

Điều 4. — Các chi tiết về tổ chức, chế độ nhà trường, lễ lối làm việc, tiêu chuẩn và quyền lợi của học viên do một thông tư của Bộ quy định.

Điều 5. — Các điều khoản quy định trước trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Vụ Sư phạm Bộ Giáo dục và Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 18 tháng 10 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

NGHỊ ĐỊNH số 330-ND ngày 23-10-1957 điều chỉnh cước phí bưu điện trong nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 1-ND ngày 3-1-1955, số 52-ND ngày 1-2-1955 và 109-ND ngày 7-3-1955 quy định cước phí bưu điện áp dụng trong nước;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện về điều chỉnh cước phí bưu điện trong nước;

Sau khi đã được Thủ tướng phủ phê chuẩn (công văn số 6232-CN ngày 11-10-1957).

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay quy định cước phí thư tín, điện báo điện thoại áp dụng trong nước như sau:

CHƯƠNG I

CƯỚC BƯU PHẪM

Điều 2. — Công văn và thư:

Mỗi bức hay mỗi gói 20 gr đầu
20 gr hay phần lẻ 20 gr sau

150 đ

80 đ